

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/DS-ST
Ngày: 14-9-2022
“V/v tranh chấp hợp đồng góp
vốn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Bà Đặng Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 283/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp vốn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1968; Ngụ tại: Ấp C, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1985; địa chỉ: Hẻm 08 đường H, khu phố E, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/6/2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà S) trình bày:*

Do quan hệ quen biết nên tháng 10/2017 bà S có hùn với bà B mua chiếc xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu Shacman, số khung HR64HX045762; số máy 21617L04772, màu sơn xám, giấy phép đăng ký 057211, biển số đăng ký 61C-

29718. Xe mua với giá 1.400.000.000 đồng. Bà S hùn số tiền là 250.000.000 đồng. Số tiền xe còn lại là tiền của bà B hay hùn thêm với ai khác thì bà S không biết.

Thời gian đầu hùn vốn (khoảng một năm rưỡi), việc chi tiêu lợi nhuận bình thường. Tuy nhiên sau đó làm ăn không thuận lợi nên bà S và bà B bàn nhau bán xe. Giữa bà S và bà B thỏa thuận nếu bà Sinh lấy xe thì bà S sẽ trả tiền hùn vốn lại cho bà B, còn nếu bà B lấy xe thì trả lại tiền hùn vốn ban đầu lại cho bà S. Bà B yêu cầu lấy xe, bà S đồng ý. Nhưng sau đó bà B bán xe tải, bà S yêu cầu bà B trả lại cho bà S số tiền hùn vốn ban đầu mà bà S đã đưa cho bà B là 250.000.000 đồng, nhưng bà B không trả. Do đó bà S khởi kiện.

Nay, bà S yêu cầu bà B thanh toán lại tiền hùn mua xe nhãn hiệu Shacman, biển số đăng ký 61C-29718 là 250.000.000 đồng.

Bà S thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên trong biên bản thỏa thuận về việc thời gian thống nhất các khoản thu, chi và đang giữ; giấy bán cho tặng xe ngày 23/4/2020; giấy giao nhận tiền ngày 23/4/2020 đúng là chữ ký, chữ viết họ tên của bà S. Bà S thừa nhận bà và bà B mỗi người có nhận số tiền là 43.000.000 đồng. Bà S không có nhận từ ông T số tiền 338.000.000 đồng.

Ngoài ra bà S không có ý kiến nào khác.

** Theo bản tự khai ngày 21/7/2022, quá trình tham gia tố tụng bị đơn bà B trình bày:*

Khoảng tháng 10/2017 bà Trần Thị S có góp vốn với bà B mua chiếc xe tải tự đổ (xe ben) hiệu Shacman biển số 61C-29718 để vận chuyển đất, cát, xe do ông Huỳnh Công C, sinh năm 1979, địa chỉ ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương đứng tên xe dùm vì ông C có tài sản thế chấp ngân hàng với số tiền là 1.400.000.000 đồng bao gồm các khoản xe đã lăn bánh. Bà S bỏ ra 250.000.000 đồng và bà B bỏ ra 250.000.000 đồng, số tiền còn lại do Ngân hàng TMCP Phương Đông hỗ trợ cho vay tín chấp. Sau khi ngân hàng giao xe, bà S giới thiệu ông Nguyễn Hoàng S1 làm tài xế để lái xe trên. Bà S và bà B thống nhất trả tiền công lái xe bằng hình thức tính tiền chuyến chạy và hàng ngày có sổ ghi chép rõ ràng (các bên thỏa thuận miệng, không có hợp đồng). Bà S yêu cầu để xe ben trên tại cây xăng Định An gần nhà bà Sinh và nhà ông S1 để bà S tiện quản lý xe và quản lý tài xế vì bà S là người quen biết của ông S1, và thuận tiện cho việc bà S tính tiền dầu (do ông Sơn đổ dầu nợ hàng tuần tại cây xăng Định An). Xe ben trên hoạt động vận chuyển gia công cát là chủ yếu, đất ít khi vận chuyển. Các khoản thu chi do ông S1 báo lại cho bà B và bà S. Tiền thu chi được bà B, bà S, ông S1 tính hàng tháng, tiền lãi và gốc nộp cho ngân hàng hàng tháng được bà B giao dịch bằng hình thức chuyển khoản cho ngân hàng khi đến ngày quy định của ngân hàng.

Khoảng tháng 5/2018 Chính phủ cấm các hoạt động khai thác cát trên hồ Dầu Tiếng, xe ben không còn nguồn hàng để vận chuyển nên đậu tại cây xăng Định An. Đến khoảng tháng 11/2019 do không có hàng để vận chuyển nên không có tiền nộp lãi và gốc cho ngân hàng. Đến ngày 30/3/2020 ngân hàng gửi

thông báo trễ hạn nộp lãi và gốc lần 1. Lúc này bà S yêu cầu ông S1 cung cấp sổ thu chi các khoản cho bà S. Thời gian này bà B, bà S, con dâu bà S tên T và ông S1 ngồi lại tiến hành thống kê cộng các khoản thu chi chi tiết rõ ràng, dù đã cộng nhiều lần nhưng bà S không thống nhất các khoản thu chi. Đến ngày 14/4/2020 ngân hàng thông báo trễ hạn nộp lãi, gốc lần 2 và hẹn ngày làm việc để ngân hàng thanh lý xe ben trên để ngân hàng thu hồi nợ gốc và lãi. Thấy vậy nên bà S và bà B thống nhất bán xe ben trên.

Ngày 20/4/2020 ông Nguyễn Quốc T mua lại xe với giá 800.000.000 đồng bao gồm tiền nợ gốc, lãi và các khoản phạt tại ngân hàng là 462.000.000 đồng. Bà B và bà S thống nhất bán xe cho ông T. Bà S có ký làm chứng vào giấy bán xe viết tay giữa ông T và ông C.

Sau khi ông T và ông C đến ngân hàng thanh toán hết nợ cho ngân hàng là 462.000.000 đồng. Ngày 23/4/2020 ông T giao tiền mặt lại cho bà S và bà B là 338.000.000 đồng tại quán cà phê của ông Trương Hiếu N. Bà S và bà B thống nhất thanh toán nợ tiền mua cát tại bãi cát của ông Phạm Xuân T với số tiền 251.000.000 đồng (trả tại nhà ông T, có sự chứng kiến của bà S). Số tiền còn lại 87.000.000 đồng, bà B và bà S mỗi người giữ $\frac{1}{2}$ là 43.500.000 đồng.

Trong biên bản thỏa thuận tiền nợ tài xế là 171.060.000 đồng bà S và bà B thống nhất mỗi người trả cho ông S1 85.530.000 đồng. Bà B đã thanh toán xong cho ông S1 số tiền này.

Nay bà S yêu cầu bà B thanh toán lại số tiền hùn mua xe ben là 250.000.000 đồng thì bà B không đồng ý, vì:

- + Bà B không có thỏa thuận với bà S về việc thanh toán lại tiền hùn mua xe cho bà S là 250.000.000 đồng.

- + Tiền bán xe 800.000.000 đồng, sau khi trừ tiền ngân hàng là 462.000.000 đồng và tiền thanh toán nợ tiền mua cát tại bãi cát của ông Phạm Xuân T với số tiền 251.000.000 đồng. Còn lại 87.000.000 đồng, bà B và bà S mỗi người chia nhau giữ $\frac{1}{2}$ là 43.500.000 đồng.

Ngoài ra, bà B không có ý kiến nào khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét

xử xem xét và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ, sau khi nghe lời trình bày của các đương sự Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Bà Trần Thị S khởi kiện bà Nguyễn Thị Thu B yêu cầu thanh toán số tiền góp vốn mua xe ben là 300.000.000 đồng. Do đó, quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng góp vốn” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà B có nơi cư trú tại khu phố 4B, thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà B theo Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

Tháng 10/2017 bà S có hùn với bà Bích mua chiếc xe ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu Shacman, số khung HR64HX045762; số máy 21617L04772, màu sơn xám, giấy phép đăng ký 057211, biển số đăng ký 61C-29718. Xe mua với giá 1.400.000.000 đồng. Bà S hùn số tiền là 250.000.000 đồng. Việc này được bà B thừa nhận nên xem là sự thật không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Theo bà S trình bày: Thời gian đầu hùn vốn (khoảng một năm rưỡi), việc chi tiêu lợi nhuận bình thường. Tuy nhiên sau đó làm ăn không thuận lợi nên hai bên bàn nhau bán xe. Giữa bà S và bà B thống nhất nếu bà S lấy xe thì bà S sẽ trả tiền hùn vốn lại cho bà B, còn nếu bà B lấy xe thì trả lại tiền hùn vốn ban đầu lại cho bà S. Bà B yêu cầu lấy xe, bà S đồng ý. Nhưng sau đó bà B bán xe tải, bà S yêu cầu bà B trả lại số tiền hùn vốn ban đầu là 250.000.000 đồng, nhưng bà B không trả.

Bà B trình bày: Xe mua chủ yếu là chở cát khai thác hồ Dầu Tiếng, nhưng khoảng tháng 5/2018 Chính phủ cấm các hoạt động khai thác cát trên hồ Dầu Tiếng, xe ben không còn nguồn hàng để vận chuyển nên không có tiền nộp lãi và gốc cho ngân hàng. Do đó, bà S và bà B thống nhất bán xe. Ngày 20/4/2020 ông Nguyễn Quốc T mua lại xe với giá 800.000.000 đồng bao gồm tiền nợ gốc, lãi và các khoản phạt tại ngân hàng là 462.000.000 đồng. Bà S và bà B thống nhất bán xe cho ông T. Sau khi ông T và ông C đến ngân hàng thanh toán hết nợ cho ngân hàng là 462.000.000 đồng. Ngày 23/4/2020 ông T giao tiền mặt lại cho bà S và bà B là 338.000.000 đồng. Bà S và bà B thống nhất thanh toán nợ tiền mua cát tại bãi cát của ông Phạm Xuân T với số tiền 251.000.000 đồng (trả tại nhà ông T, có sự chứng kiến của bà S). Số tiền còn lại 87.000.000 đồng, bà B và bà S mỗi người giữ $\frac{1}{2}$ là 43.500.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà S có cung cấp biên bản thỏa thuận về việc thời gian thống nhất các khoản tiền thu, chi và đang giữ không ghi ngày tháng của năm 2020 thể hiện “*chúng tôi thống nhất bán xe tải trên với số tiền 800.000.000 đồng để trả tiền vay ngân hàng và tiền nợ tại bãi cát của ông T ở xã Phước Minh. Số tiền còn lại chúng tôi thống nhất cùng nhau cộng sổ thu chi và thỏa thuận các khoản từ năm 2018 đến nay với các khoản sau:*

1. Tiền trả công cho tài xế và các khoản do tài xế cung cấp sổ từ năm 2018 đến nay với số tiền là 171.060.000 đồng.

2. Số tiền chưa lấy được khi mua bán và vận chuyển cho khách hàng với số tiền 106.000.000 đồng”

Biên bản có chữ ký của bà S, bà B và ông S1 (tài xế). Bà S thừa nhận chữ ký trong biên bản đúng là chữ ký của bà. Tòa án có thông báo cho bà S cung cấp chứng cứ chứng minh việc bà S và bà B thỏa thuận bà B lấy xe và thanh toán lại cho bà S số tiền hùn vốn là 250.000.000 đồng như bà S không có chứng cứ gì chứng minh thỏa thuận này. Đồng thời, bà B có cung cấp chứng cứ là giấy mua bán, cho tặng xe ngày 23/04/2020 trong đó có chữ ký người làm chứng là bà S và giấy giao tiền ngày 23/4/2020 trong đó có chữ ký người giao là bà S. Bà S cũng thừa nhận chữ ký trong hai giấy này là của bà. Do đó có cơ sở khẳng định việc bà S và bà B thống nhất bán xe ben trên với giá 800.000.000 đồng và số tiền bán xe sau khi thanh toán các khoản còn lại mỗi bên giữ một nửa là 43.500.000 đồng. Vì vậy bà S yêu cầu bà B thanh toán lại số tiền góp vốn mua xe là 250.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà S phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[4] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 504, 506, 512 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng hợp tác” của bà Trần Thị S đối với bà Nguyễn Thị Thu B.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị S phải chịu 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà S đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007652 ngày 30/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng. Bà S phải nộp tiếp số tiền là 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thùy Linh